TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2017/QĐDS-ST

Ngày: 19/12/2017

V/v: "Tuyên bố một người mất tích"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Triều - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phương Yến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên họp: Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 137/2017/TLST-VDS ngày 25 tháng 5 năm 2017 về "Yêu cầu tuyên bố một người mất tích" theo Quyết định mở phiên họp số: 11/QĐPH-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị Cát D, sinh năm 1958

Nơi cư trú: Khu phố C, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

2. Người bị yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Võ Tấn L, sinh năm 1958

Nơi cư trú cuối cùng: Khu phố C, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

3. Những vấn đề cụ thể bà Lê Thị Cát D yêu cầu Tòa án giải quyết: Bà và ông Võ Tấn L kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn Thạnh, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre vào ngày 10/5/2004, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống gia đình hạnh phúc. Nhưng đến năm 2006 thì ông L tự ý bỏ nhà đi cho đến nay không trở về. Mặc dù bà đã cố gắng tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức của ông L. Do đó, nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xem xét tuyên bố ông L mất tích.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre nhận định:

Ngày 29/11/2016 và ngày 21/3/2017, Công an phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã xác nhận ông L có đăng ký thường trú tại địa chỉ khu phố C, phường PK, thành phố BT nhưng từ năm 2006 đã bỏ địa phương đi, không còn sinh sống tại địa chỉ trên. Những người thân của ông L đều xác nhận không liên lạc được với ông L, không biết ông L còn sống hay đã chết.

Ngày 29/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã ban hành Quyết định Thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích số 07/2017/QĐ-TA đối với ông L. Người yêu cầu là bà D đã tiến hành đăng tin trên báo hàng ngày của trung ương (báo Công Lý) trong 03 số liên tiếp gồm số 46 (1481) ngày 09/6/2017, số 47 (1482) ngày 14/6/2017 và số 48 (1482) ngày 16/6/2017 và phát sóng trên Đài truyền hình của Trung ương 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (Chi nhánh trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền hình tại thành phố Hồ Chí Minh). Tuy nhiên đến nay vẫn không có tin tức xác thực về việc ông L còn sống hay đã chết.

Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 68 Bộ luật dân sự thì việc bà D yêu cầu tuyên bố ông L mất tích là phù hợp nên được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên họp đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu tuyên bố ông L mất tích của bà D.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 68 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 371, 372, 389 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố một người mất tích của bà Lê Thị Cát D.

Tuyên bố ông Võ Tấn L, sinh năm 1958, nơi cư trú cuối cùng: khu phố C, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre mất tích.

2. Bà Lê Thị Cát D có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục khác theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Lê Thị Cát D phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0010848 ngày 23/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

4. Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. (Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định, người yêu cầu có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xem xét theo trình tự phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre.
- UBND P. PK, TP BT;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triều

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 93-DS

(1) Ghi tên Toà án ra Quyết định giải quyết việc dân sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện A thuộc tỉnh B), nếu là Toà án nhân dân cấp tỉnh thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên).

(2) Ô thứ nhất ghi số Quyết định, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định, ô thứ ba ghi ký hiệu loại Quyết định, nếu là Quyết định sơ thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐDS-ST", nếu là Quyết định phúc thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐDS-PT".

(3) Ghi ngày, tháng, năm ra quyết định, không phân biệt phiên họp giải quyết việc dân sự diễn ra trong một buổi hay nhiều buổi.

(4) Ghi trích yếu nội dung của Quyết định, ví dụ: "Tuyên bố một người mất tích", "Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự",…

(5) và (6) Ghi tên các Thẩm phán trong trường hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự gồm có 3 Thẩm phán.

(7) và (24) Ghi tên Tòa án giải quyết việc dân sự

(8) Ghi tên Viện kiểm sát.

(9) Ghi ngày, tháng, năm diễn ra phiên họp giải quyết việc dân sự.

(10) Địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định).

(11) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý việc dân sự (ví dụ: Số: 30/2017/TLST-DS).

(12) Ghi trích yếu việc dân sự mà Tòa án giải quyết: Cần xác định việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại khoản, điều nào của Bộ luật tố tụng dân sự để ghi vào phần trích yếu của việc dân sự (ví dụ: Việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết là "Yêu cầu tuyên bố một người mất tích" được quy định tại khoản 3 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tuyên bố một người mất tích").

(13) Ghi rõ số, ký hiệu của Quyết định mở phiên họp, nếu là Quyết định mở phiên họp sơ thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐPH-ST", nếu là Quyết định mở phiên họp phúc thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐPH-PT".

(14) Ghi rõ tên người yêu cầu, nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(15) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(16) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (16).

(20) Ghi họ tên và địa chỉ của người làm chứng.

(21) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.

(22) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.

(23) Ghi rõ những vấn đề mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn yêu cầu của người yêu cầu.

(25) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn yêu cầu.

(26) Ghi rõ những căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(27) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp.

(28) Lưu ý: Chỉ ghi nội dung quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự.

(29) Phần cuối cùng của quyết định, trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 1 Thẩm phán thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án).

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 3 Thẩm phán thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng giải quyết việc dân sự và đóng dấu (quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với quyết định để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)